

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TÂN THÀNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TÂN THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN THANH TECHNICAL TRADE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108474005

3. Ngày thành lập: 16/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12, ngách 83/51/27 đường Tân Triều, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
2.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
3.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
4.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
5.	Xây dựng nhà không để ở	4102
6.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
7.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
8.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
9.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
10.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
11.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
12.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
13.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
14.	Sản xuất đồng hồ	2652
15.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
16.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
17.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
18.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
19.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
20.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829

21.	Xây dựng nhà để ở	4101
22.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
23.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
25.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
26.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
27.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
28.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
29.	Sản xuất máy luyện kim	2823
30.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
31.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
32.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
33.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
35.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
36.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
37.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
38.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
39.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
40.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
41.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
42.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
43.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
45.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

46.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659(Chính)
50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

51.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
52.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
54.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
55.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
56.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
57.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
58.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
59.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
60.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
61.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
62.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
63.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
64.	Xây dựng công trình điện	4221
65.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
66.	Phá dỡ	4311
67.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
68.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
69.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
70.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
71.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
72.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
73.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
74.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
75.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
76.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
77.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
78.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

79.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
80.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
81.	Xây dựng công trình thủy	4291
82.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
83.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
84.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯU TẤT THẮNG	Xóm 05, thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	15,000	013354504	
			Tổng số	45.000	450.000.000	15,000		
2	LƯU THỊ HẢI YẾN	Xóm 05, thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	210.000	2.100.000.000	70,000	013504515	
			Tổng số	210.000	2.100.000.000	70,000		
3	PHAM VĂN HIẾU	Xóm 05, thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	45.000	450.000.000	15,000	026088002909	
			Tổng số	45.000	450.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LƯU THỊ HẢI YẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 13/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013504515

Ngày cấp: 09/02/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 05, thôn 1, Xã Thạch Đà, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 12, ngách 83/51/27 đường Tân Triều, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội